

A member of  International

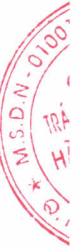
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 12/01/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Cung	Thành viên
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên
Bà Phan Thị Thu Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Anh	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Đắc Huân	Thành viên
Ông Lê Quang Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

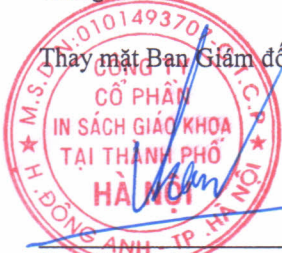
Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

Số: 100818.023/BCTC.KT5

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 10 tháng 08 năm 2018, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên các thông tin Ban giám đốc đã cung cấp cho chúng tôi, hợp đồng cho thuê mặt bằng (để sử dụng làm kho) giữa Công ty và Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội cho năm 2018 chưa được ký kết, do đó Công ty chưa ghi nhận doanh thu cho thuê mặt bằng tương ứng với phần diện tích thuê mà Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội đã sử dụng trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018. Cũng vì lý do này, chi phí tiền thuê đất kỳ 1 năm 2018 tương ứng với phần diện tích thuê của Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội với giá trị là 421.936.344 VND (Thuyết minh số 10) cũng chưa được kết chuyển vào giá vốn hàng bán như đã thực hiện tại cùng kỳ năm trước. Điều này dẫn đến báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2018 đang phản ánh thiếu Giá vốn hàng bán với giá trị 421.936.344 VND, đồng thời, chúng tôi không thể xác định được giá trị của Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bị phản ánh thiếu.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.575.760.359	21.329.325.148
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	6.625.046.259	3.071.508.451
111	1. Tiền		4.625.046.259	1.044.419.562
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	2.027.088.889
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	8.000.000.000	8.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		8.000.000.000	8.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		5.678.661.513	5.080.597.937
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	3.580.356.852	3.558.572.492
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	438.981.400	115.200.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	1.724.523.261	1.472.025.445
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	III. Hàng tồn kho	9	2.847.556.731	5.177.218.760
141	1. Hàng tồn kho		3.039.909.020	5.385.358.576
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(192.352.289)	(208.139.816)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		424.495.856	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	421.936.344	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	2.559.512	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.611.988.986	18.947.902.791
220	I. Tài sản cố định		5.186.403.759	5.856.334.416
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.186.403.759	5.856.334.416
222	- Nguyên giá		48.343.636.849	48.343.636.849
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(43.157.233.090)	(42.487.302.433)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		13.031.476.716	12.846.585.804
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	13.031.476.716	12.846.585.804
260	III. Tài sản dài hạn khác		394.108.511	244.982.571
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	394.108.511	244.982.571
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		42.187.749.345	40.277.227.939





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018


(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.306.924.356	17.323.612.451
310	I. Nợ ngắn hạn		4.674.030.792	2.871.612.887
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	655.312.848	854.666.250
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		23.656.303	10.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	978.458.730	152.945.533
314	4. Phải trả người lao động		1.347.794.724	1.111.437.111
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		109.090.909	-
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	1.416.011.186	696.842.813
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		143.706.092	45.721.180
330	II. Nợ dài hạn		14.632.893.564	14.451.999.564
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	14.632.893.564	14.451.999.564
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.880.824.989	22.953.615.488
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	22.880.824.989	22.953.615.488
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.159.850.000	20.159.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.159.850.000	20.159.850.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(943.752.685)	(943.752.685)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.075.005.573	1.147.796.072
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		97.845.660	1.147.796.072
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		977.159.913	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		42.187.749.345	40.277.227.939


Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu


Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng




Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017 (đã điều chỉnh)
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	12.761.392.631	12.110.433.798
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		12.761.392.631	12.110.433.798
11	3. Giá vốn hàng bán	19	9.834.355.727	9.306.659.014
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.927.036.904	2.803.774.784
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	323.931.486	284.010.741
25	6. Chi phí bán hàng	21	37.150.740	40.277.420
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	1.985.492.759	2.040.546.472
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.228.324.891	1.006.961.633
32	9. Chi phí khác		-	17.104.495
40	10. Lợi nhuận khác		-	(17.104.495)
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.228.324.891	989.857.138
51	12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	251.164.978	211.542.872
60	13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		977.159.913	778.314.266
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24		410

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

P.T.G
Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018



110
ONG
NIỆM
G KIE
AA
N KI

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.228.324.891	989.857.138
	2. Điều chỉnh cho các khoản		330.211.644	595.633.606
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		669.930.657	879.644.347
03	- Các khoản dự phòng		(15.787.527)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(323.931.486)	(284.010.741)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.558.536.535	1.585.490.744
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(82.857.144)	(140.404.437)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.158.941.924	1.762.292.432
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		967.969.417	510.215.687
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(571.062.284)	19.242.970
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(114.170.400)	(170.870.625)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.423.000)	(30.700.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.913.935.048	3.535.266.771
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(456.634.350)	(1.005.292.764)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		33.825.635	284.010.741
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(422.808.715)	(721.282.023)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(937.588.525)	(921.952.075)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(937.588.525)	(921.952.075)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		3.553.537.808	1.892.032.673
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		3.071.508.451	1.559.503.374
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	6.625.046.259	3.451.536.047

PTG

PTG

Phan Thị Thu Hà
Người lập biểu

Phan Thị Thu Hà
Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.159.850.000 VND. Tương đương 20.159.850 cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2018/TT-BTC ngày 21/03/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 08 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trong kỳ, Công ty có các hợp đồng hợp tác kinh doanh với các bên để đầu tư xây dựng nhà kho, nhà xưởng sản xuất theo hình thức tài sản đồng kiểm soát, cụ thể như sau:

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.13. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.14. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành. Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

2.17. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữ niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

11
 ĐƠN
 HIỆM
 KẾ
 AS
 EM

2.18. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh của chủ yếu trong lĩnh vực in ấn sách giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	43.721.931	273.388.025
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.581.324.328	771.031.537
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	2.000.000.000	2.027.088.889
	6.625.046.259	3.071.508.451

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng có giá trị 2.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng Giao dịch Đông Anh với lãi suất 5,5%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱⁱ⁾	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000

⁽ⁱⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2018, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng có giá trị 8.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Phòng Giao dịch Đông Anh với lãi suất 7,4%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2018		01/01/2018	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	2.702.496.543	-	2.606.428.415	-
- Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	18.550.000	-	410.412.876	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	859.310.309	-	541.731.201	-
	3.580.356.852	-	3.558.572.492	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	3.025.289.255	-	3.434.615.166	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

Nợ phải thu khách hàng tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính đều không có nợ quá hạn và các khoản nợ này có khả năng thu hồi cao. Do đó, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ phải thu này.

05
TY
HỮU H
TOÁ
C
IP.HP

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
- Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
- Công ty CP Khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp Việt Nam	-	-	50.000.000	-
- Công ty CP RECON	276.281.400	-	-	-
- Các khoản trả trước cho người bán khác	97.500.000	-	-	-
	438.981.400	(65.200.000)	115.200.000	(65.200.000)

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về vật tư cho mượn	455.092.494	-	503.713.801	-
Phải thu Lãi tiền gửi dự thu	535.243.569	-	245.137.718	-
Tạm ứng	688.901.338	-	679.288.738	-
Phải thu khác	45.285.860	-	43.885.188	-
	1.724.523.261	-	1.472.025.445	-
Phải thu ngắn hạn khác là bên liên quan	457.558.989	-	506.180.296	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.463.822.281	(192.352.289)	3.319.087.061	(208.139.816)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	253.750.749	-	531.045.964	-
Thành phẩm	322.335.990	-	1.535.225.551	-
	3.039.909.020	(192.352.289)	5.385.358.576	(208.139.816)

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí tiền thuê đất kỳ 1 năm 2018 ⁽¹⁾	421.936.344	-
	421.936.344	-
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.058.333	49.173.788
- Chi phí khác	373.050.178	195.808.783
	394.108.511	244.982.571

⁽¹⁾ Đây là chi phí tiền thuê đất kỳ 1 năm 2018 tương ứng với phần diện tích mặt bằng (kho) cho Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội thuê. Công ty chưa ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ do doanh thu cho thuê chưa được ghi nhận do hợp đồng thuê mặt bằng với Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội chưa được ký kết. Công ty sẽ kết chuyển khoản chi phí này vào giá vốn hàng bán khi xác định và hạch toán được doanh thu tương ứng.

TIỀN
 A
 V KI

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4.604.048.247	41.518.370.285	1.985.579.317	235.639.000	48.343.636.849
Số dư cuối kỳ	4.604.048.247	41.518.370.285	1.985.579.317	235.639.000	48.343.636.849
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.095.261.412	36.710.997.857	1.457.369.164	223.674.000	42.487.302.433
- Khấu hao trong kỳ	115.020.938	448.519.765	100.407.454	5.982.500	669.930.657
Số dư cuối kỳ	4.210.282.350	37.159.517.622	1.557.776.618	229.656.500	43.157.233.090
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	508.786.835	4.807.372.428	528.210.153	11.965.000	5.856.334.416
Tại ngày cuối kỳ	393.765.897	4.358.852.663	427.802.699	5.982.500	5.186.403.759

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 37.919.519.106 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Xây dựng cơ bản dở dang	12.969.514.932	12.846.585.804
- Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh ⁽ⁱ⁾	12.969.514.932	12.846.585.804
b) Sửa chữa lớn tài sản cố định	61.961.784	-
- Sửa chữa khu nhà xưởng, văn phòng	61.961.784	-
	13.031.476.716	12.846.585.804

⁽ⁱ⁾ Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh được tài trợ bằng nguồn kinh phí từ hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội với các đơn vị là các công ty là thành viên của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Xem thêm Thuyết minh số 15). Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, Dự án chưa triển khai công tác xây dựng mặt bằng nhà xưởng do các bên đang có chủ trương tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng và sẽ xin ý kiến phê duyệt của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam trước khi thực hiện việc chuyển nhượng. Chi phí phát sinh trong kỳ là tiền thuê đất kỳ 1 năm 2018 và tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2018.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty TNHH Hiền Hương	165.462.000	165.462.000	-	-
- Công ty TNHH E&C Thái Bình Dương	121.000.000	121.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng Minh Nhật	99.024.200	99.024.200	-	-
- Công ty TNHH TMQT Long Quang	46.750.000	46.750.000	628.100.000	628.100.000
- Công ty TNHH Ru lô Nam Hải	-	-	132.429.000	132.429.000
- Phải trả cho các đối tượng khác	223.076.648	223.076.648	94.137.250	94.137.250
	655.312.848	655.312.848	854.666.250	854.666.250

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	80.380.694	999.358.758	332.561.164	-	747.178.288
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	72.542.437	251.164.978	114.170.400	-	209.537.015
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.402	23.996.575	4.835.062	2.559.512	21.743.427
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	835.215.460	835.215.460	-	-
Các loại thuế khác	-	-	1.000.000	1.000.000	-	-
	-	152.945.533	2.110.735.771	1.287.782.086	2.559.512	978.458.730

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	66.558.995	21.096.514
Bảo hiểm xã hội	48.708.783	82.816.797
Bảo hiểm y tế	37.072.502	86.098.678
Bảo hiểm thất nghiệp	14.229.327	45.068.566
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.249.441.579	461.762.258
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	57.119.120	46.165.145
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	9.744.799	766.380
- Phải trả về vật tư vay, mượn	969.719.310	204.848.249
- Phải trả phải nộp khác	212.858.350	209.982.484
	1.416.011.186	696.842.813
b) Dài hạn		
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	14.632.893.564	14.451.999.564
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	5.614.950.001	5.524.503.001
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.358.799.000	3.358.799.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	5.659.144.563	5.568.697.563
	14.632.893.564	14.451.999.564
c) Phải trả khác là các bên liên quan	15.602.612.874	14.656.847.813
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)		

⁽ⁱ⁾ Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 (Xem thêm Thuyết minh 12).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.189.490.635	22.995.310.051
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	778.314.266	778.314.266
Chia cổ tức	-	-	-	(948.542.500)	(948.542.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(107.231.186)	(107.231.186)
Số dư cuối kỳ trước	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	912.031.215	22.717.850.631
Số dư đầu năm nay	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.147.796.072	22.953.615.488
Lãi trong kỳ	-	-	-	977.159.913	977.159.913
Chia cổ tức	-	-	-	(948.542.500)	(948.542.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(101.407.912)	(101.407.912)
Số dư cuối kỳ này	20.159.850.000	(943.752.685)	2.589.722.101	1.075.005.573	22.880.824.989

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 số 151/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2018, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100%	1.014.079.123
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	10,00%	101.407.912
Chi trả cổ tức	5%/cổ phần	948.542.500

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2018 VND	Tỷ lệ %	01/01/2018 VND	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	50,94%	10.269.760.000	50,94%
Các cổ đông khác	9.890.090.000	49,06%	9.890.090.000	49,06%
Cộng	20.159.850.000	100%	20.159.850.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.159.850.000	20.159.850.000
- Vốn góp cuối kỳ	20.159.850.000	20.159.850.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	46.165.145	20.372.720
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	948.542.500	948.542.500
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	948.542.500	948.542.500
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	937.588.525	921.952.075
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	937.588.525	921.952.075
- Số dư cuối kỳ	57.119.120	46.963.145

d) Cổ phiếu

	30/06/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.015.985	2.015.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.015.985	2.015.985
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	118.900	118.900
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	118.900	118.900
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.897.085	1.897.085
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.897.085	1.897.085

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	2.589.722.101	2.589.722.101

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	30/06/2018	01/01/2018
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	11.734.000.333	10.716.781.334
Doanh thu khác	1.027.392.298	1.393.652.464
	12.761.392.631	12.110.433.798
Doanh thu đối với các bên liên quan	11.205.751.621	11.057.525.535

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 28)

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	9.078.640.383	8.334.061.140
Giá vốn khác	771.502.871	972.597.874
Hoàn nhập giảm giá hàng tồn kho	(15.787.527)	-
	9.834.355.727	9.306.659.014

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	323.931.486	284.010.741
	323.931.486	284.010.741

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.150.740	40.277.420
	37.150.740	40.277.420

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.097.858.752	917.228.331
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.639.954	143.958.577
Thuế, phí và lệ phí	194.479.788	260.731.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.208.905	93.024.598
Chi phí khác bằng tiền	527.305.360	625.603.175
	1.985.492.759	2.040.546.472

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.228.324.891	989.857.138
Các khoản điều chỉnh tăng	27.500.000	67.857.222
- Các khoản chi phí không được trừ	27.500.000	67.857.222
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.255.824.891	1.057.714.360
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	251.164.978	211.542.872
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	72.542.437	170.870.525
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(114.170.400)	(170.870.525)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	209.537.015	211.542.872

05
TY
HUU
M TO
SC
1-TP

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	977.159.913	778.314.266
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	977.159.913	778.314.266
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.897.085	1.897.085
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	515	410

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.647.807.627	2.386.332.196
Chi phí nhân công	4.743.426.133	3.979.188.853
Chi phí khấu hao tài sản cố định	669.930.657	879.644.347
Thuế, phí và lệ phí	294.479.788	260.731.791
Chi phí dịch vụ mua ngoài	796.815.935	742.660.741
Chi phí khác bằng tiền	978.784.709	784.645.790
	10.131.244.849	9.033.203.718

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.625.046.259	-	3.071.508.451	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.304.880.113	-	5.030.597.937	-
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
	19.929.926.372	-	16.102.106.388	-

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	16.704.217.598	16.003.508.627
	16.704.217.598	16.003.508.627

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.625.046.259	-	-	6.625.046.259
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.304.880.113	-	-	5.304.880.113
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
	19.929.926.372	-	-	19.929.926.372
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.071.508.451	-	-	3.071.508.451
Phải thu khách hàng, phải thu khác	5.030.597.937	-	-	5.030.597.937
Các khoản cho vay	8.000.000.000	-	-	8.000.000.000
	16.102.106.388	-	-	16.102.106.388

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

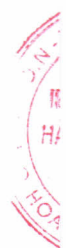
Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	2.071.324.034	14.632.893.564	-	16.704.217.598
	2.071.324.034	14.632.893.564	-	16.704.217.598
Tại ngày 01/01/2018				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.551.509.063	14.451.999.564	-	16.003.508.627
	1.551.509.063	14.451.999.564	-	16.003.508.627

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.



28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
	năm 2018	năm 2017
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác	10.986.760.939	9.929.277.944
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	25.965.475	30.588.927
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	8.971.710.734	7.223.818.355
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	410.401.444	527.139.500
Công ty CP Sách đại học - dạy nghề	-	241.129.566
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	1.490.612.855	1.720.761.788
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	16.863.640	145.214.430
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	71.206.791	40.625.378
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng	218.990.682	1.128.247.591
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	803.094.500
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	52.363.636	104.727.273
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	39.391.591	69.954.545
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	127.235.455	150.471.273

C
 CH
 NG
 A,
 KIẾ

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		3.025.289.255	3.434.615.166
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ	28.562.022	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	2.702.496.543	2.606.428.415
Công ty CP Bàn đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng tập đoàn	131.441.591	-
Công ty CP Sách đại học - dạy nghề	Cùng tập đoàn	5.000.000	115.242.468
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	30.952.549	-
Công ty CP Mỹ thuật và Truyền thông	Cùng tập đoàn	18.550.000	410.412.876
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	78.327.550	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	29.959.000	302.531.407
Phải thu ngắn hạn khác		457.558.989	506.180.296
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	168.618.869	431.268.676
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	286.473.625	72.445.125
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	2.466.495	2.466.495
Các khoản phải trả ngắn hạn khác		969.719.310	204.848.249
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	908.096.562	35.283.103
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.763.786	3.763.786
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	57.858.962	165.801.360
Các khoản phải trả dài hạn khác		14.632.893.564	14.451.999.564
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Cùng tập đoàn	3.358.799.000	3.358.799.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng tập đoàn	5.614.950.001	5.524.503.001
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng tập đoàn	5.659.144.563	5.568.697.563

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2018 VND	6 tháng đầu năm 2017 VND
Thu nhập của Giám đốc	100.226.908	142.620.417
Thu nhập của người quản lý khác	204.394.266	215.054.982

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

Một số chỉ tiêu của báo cáo này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo kỳ trước	
			VND	VND
a/ Báo cáo Kết quả kinh doanh giữa niên độ				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	12.110.433.798	10.906.598.207	
Giá vốn hàng bán	11	9.306.659.014	8.337.176.280	
Thu nhập khác	31	-	1.203.835.591	
Chi phí khác	32	17.104.495	986.587.229	

PTG
 Phan Thị Thu Hà
 Người lập biểu

PTG
 Phan Thị Thu Hà
 Kế toán trưởng

Ngô Quang Thân
 Ngô Quang Thân
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2018



105 - C.T.T.H.H
 TY
 KIỂM TOÁN
 HÀ NỘI